



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 47

Ngày 15 tháng 08 năm 2025

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

31/07/2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 78/2025/QĐ-UBND ban hành quy chế quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La.	3
04/08/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 79/2025/QĐ-UBND quy định quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư.	22
04/08/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 80/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng và xây dựng công trình tạm trên địa bàn tỉnh Sơn La.	29
04/08/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 81/2025/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 45/2020/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh về việc quy định tài sản công có giá trị lớn trong trường hợp sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La	46

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

01/08/2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1928/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2025 (thay thế Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 15/01/2025).	48
01/08/2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1929/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	55
01/08/2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1930/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tư pháp người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Sơn La.	60
04/08/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 1955/QĐ-UBND ủy quyền thực hiện trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà ở thuộc tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sơn La	64
05/08/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 1959/QĐ-UBND ban hành kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2025-2030.	67

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78/2025/QĐ-CTUBND

Sơn La, ngày 31 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy chế quản lý, vận hành và khai thác
Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP

ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 13/2023/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nội vụ hướng dẫn lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định về chức năng, tính năng kỹ thuật của hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh; Thông tư số 11/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chức năng, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 62/TTr-VPUB ngày 31 tháng 7 năm 2025;

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2025.

Điều 3. Tổ chức thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin
giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 78/2025/QĐ-CTUBND
ngày 31/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, UBND các xã, phường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường; các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

2. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ công ích, sự nghiệp.

4. Ngân hàng và các tổ chức trung gian thanh toán tham gia thực hiện quy trình thu, nộp phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác phục vụ cho việc thực hiện thủ tục hành chính theo quy định.

5. Tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh là hệ thống nghiệp vụ có chức năng tiếp nhận, giải quyết, theo dõi tình hình tiếp nhận, giải quyết, kết quả

giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia để cung cấp và thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính là các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định của Quyết định này và pháp luật chuyên ngành.

3. Người dùng là tổ chức, cá nhân sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia để khai thác thông tin, thực hiện các dịch vụ phục vụ nhu cầu của mình.

4. Tài khoản tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC: Là tài khoản định danh điện tử VNeID được phân quyền cho cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị của tỉnh để khai thác thông tin, phục vụ công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC, dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh

1. Tuân thủ quy định pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước; pháp luật chuyên ngành quy định TTHC thực hiện qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

2. Quy trình thực hiện thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tuân thủ theo quy trình đã quy định tại văn bản pháp luật có liên quan.

3. Đảm bảo tính pháp lý, chính xác, khách quan, đầy đủ và kịp thời của các giao dịch điện tử thực hiện qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

4. Đáp ứng yêu cầu của tổ chức, công dân có thể nộp hồ sơ mọi lúc, mọi nơi không phân biệt khoảng cách địa lý.

5. Hỗ trợ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện TTHC trực tuyến; tiếp nhận và nhập thông tin điện tử của hồ sơ TTHC được tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện theo các cách thức quy định tại Điều 16 Nghị định số Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

6. Việc khai thác, sử dụng lại thông tin của tổ chức, cá nhân trong thực hiện các TTHC, dịch vụ công trực tuyến được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân.

Chương II

HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH

Điều 5. Thông tin cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh

1. Thông tin về dịch vụ công và cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ

a) Danh mục cơ quan, đơn vị thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến gồm: Cấp tỉnh, cấp xã, cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh.

b) Danh mục TTHC, dịch vụ công trực tuyến theo 02 mức độ được quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng và các thông tin khác theo quy định. Danh mục dịch vụ công trực tuyến phải đảm bảo theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

2. Thông tin hướng dẫn, hỏi đáp thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến, thực hiện nghĩa vụ tài chính có liên quan.

3. Thông tin, thông báo về tiếp nhận, trả kết quả, hướng dẫn hoàn thiện, bổ sung hồ sơ giải quyết TTHC, tình hình giải quyết hồ sơ TTHC, dịch vụ công trực tuyến.

4. Thông tin về thanh toán trực tuyến phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính.

5. Thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo quy định.

6. Thông tin về đánh giá việc giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; khảo sát sự hài lòng của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến.

7. Thông tin báo cáo, số liệu, thống kê liên quan đến tình hình giải quyết TTHC, dịch vụ công khác.

8. Thông tin địa chỉ, số điện thoại, thư điện tử hướng dẫn của các cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức có thẩm quyền giải quyết TTHC; thông tin chủ quản, quản lý, duy trì hoạt động Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; thông tin đường dây nóng, tổng đài hỗ trợ.

9. Cung cấp kho dữ liệu kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân được lưu trữ tại Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để phục vụ việc tích hợp, chia sẻ, tra cứu thông tin, dữ liệu, sử dụng để thực hiện các TTHC khác theo quy định của pháp luật.

10. Thông tin về điều khoản sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

11. Các thông tin khác theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ ngành, cơ quan Trung ương.

Điều 6. Tên miền và tài khoản người dùng

1. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được triển khai theo mô hình tập trung, đối với tổ chức, công dân thực hiện việc nộp hồ và nhận kết quả trên cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>), đối với cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường thực hiện việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (<https://motcua.sonla.gov.vn/>) do tập đoàn VNPT Việt Nam cung cấp. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được sử dụng thống nhất tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh bằng tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập, đã kết nối, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân chưa có tài khoản định danh điện tử, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 01 cho cá nhân, tổ chức. Trường hợp ủy quyền giải quyết TTHC, tài khoản định danh điện tử được xác định là tài khoản định danh điện tử của tổ chức, cá nhân ủy quyền.

4. Việc đăng nhập, quản lý tài khoản của tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ Quy định về định danh và xác thực điện tử.

Điều 7. Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện các giao dịch trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh thì được cung cấp một Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống.

2. Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân tại Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh giúp quản lý, lưu giữ dữ liệu hoặc đường dẫn tới dữ liệu:

a) Thông tin cơ bản về doanh nghiệp trên cơ sở cung cấp, cập nhật từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp; thông tin cơ bản về công dân trên cơ sở cung cấp, cập nhật từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

b) Kết quả hoặc đường dẫn kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành; UBND các xã, phường;

c) Các thành phần hồ sơ TTHC đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, số hóa, giải quyết thành công và được tổ chức, cá nhân đồng ý lưu giữ;

d) Bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính do cơ quan có thẩm quyền cấp;

đ) Các thông tin sẵn có từ Cổng Dịch vụ công quốc gia được đồng bộ với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;

e) Dữ liệu số hóa chủ động từ tổ chức, cá nhân có đính kèm chữ ký số của tổ chức, cá nhân khi tiến hành giao dịch dịch vụ công trực tuyến;

g) Nguồn từ hệ thống thông tin khác được UBND tỉnh quy định.

Điều 8. Các giao dịch điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

1. Khai nhận và phản hồi thông tin về việc xử lý hồ sơ TTHC của tổ chức, cá nhân.

2. Tiếp nhận, trao đổi, chuyển thông tin, hồ sơ TTHC tới cơ quan thực hiện TTHC.

3. Nhận kết quả xử lý từ các cơ quan giải quyết TTHC, hệ thống xử lý chuyên ngành tại Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

4. Cung cấp tình trạng thực hiện, trả kết quả hồ sơ TTHC cho tổ chức, cá nhân thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

5. Luân chuyển hồ sơ hành chính điện tử trong nội bộ cơ quan giải quyết TTHC.

6. Giao dịch qua dịch vụ giá trị gia tăng (*tin nhắn, mạng xã hội, bưu chính công ích, thanh toán trực tuyến*) trên cơ sở thỏa thuận, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Điều 9. Khai thông tin hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến

1. Cá nhân, tổ chức sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, khai và gửi hồ sơ TTHC trực tuyến hoặc sửa đổi, bổ sung thông tin khai, hồ sơ TTHC trực tuyến.

2. Đối với dịch vụ công trực tuyến toàn trình tổ chức, cá nhân thực hiện việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí (nếu có) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và được cung cấp chứng từ đã nộp phí, lệ phí điện tử theo quy định pháp luật.

3. Đối với dịch vụ công trực tuyến một phần tổ chức, cá nhân thực hiện việc thanh toán phí, lệ phí bằng tiền mặt tại quầy thu phí hoặc thanh toán trực tuyến (nếu có) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và được cung cấp chứng từ đã nộp phí, lệ phí điện tử theo quy định pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh có trách nhiệm xuất trình hồ sơ TTHC (bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao có chứng thực) theo quy định của pháp luật chuyên ngành khi có yêu cầu kiểm tra, đối chiếu.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung thông tin hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hình thức sửa đổi, bổ sung thông tin hồ sơ hành chính trực tuyến như sau:

a) Tạo lập thông tin sửa đổi, bổ sung theo tiêu chí, định dạng theo hướng dẫn và gửi đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;

b) Khai báo trực tiếp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;

c) Việc sửa đổi, bổ sung thông tin, hồ sơ điện tử được lưu lại lịch sử sửa đổi và không làm thay đổi mã hồ sơ TTHC.

Điều 11. Thanh toán phí, lệ phí, thuế

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện thanh toán phí, lệ phí, nộp thuế theo phương thức sau:

a) Trực tuyến thông qua chức năng thanh toán phí, lệ phí của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường;

c) Thanh toán từ các điểm giao dịch của hệ thống ngân hàng trên toàn tỉnh;

d) Sử dụng các công cụ, dịch vụ tiện ích khác có hỗ trợ thanh toán theo quy định pháp luật.

2. Quy trình thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong giải quyết TTHC được thực hiện theo hướng dẫn của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 12. Tra cứu tình trạng xử lý hồ sơ thủ tục hành chính

1. Hệ thống tra cứu tình trạng xử lý hồ sơ TTHC của tỉnh bao gồm:

a) Tra cứu trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC quốc gia thông qua mã hồ sơ TTHC tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>;

b) Tra cứu trực tiếp tại các quầy giao dịch của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường;

2. Tổ chức, cá nhân có thể tra cứu tình trạng xử lý hồ sơ TTHC bằng cách nhập mã số hồ sơ (*in sẵn trên biên nhận hồ sơ*) và làm theo hướng dẫn của Hệ thống.

Điều 13. Đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính

1. Việc đánh giá, phân loại, xếp hạng kết quả giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường được thực hiện tự động trên Hệ thống đánh giá việc giải quyết TTHC của Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua việc đồng bộ, tích hợp từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; dữ liệu của

người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

2. Nhóm tiêu chí đánh giá chất lượng giải quyết TTHC được quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

3. Chức năng đánh giá giải quyết hồ sơ TTHC điện tử được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chức năng, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

4. Kết quả đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố, công khai định kỳ hàng tháng, hàng năm, làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 14. Các chức năng thống kê, tổng hợp và theo dõi quá trình giải quyết hồ sơ

Các chức năng thống kê, tổng hợp, phân tích số liệu và trích xuất số liệu báo cáo liên quan đến Dịch vụ công trực tuyến và quá trình giải quyết hồ sơ TTHC được xây dựng trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh phải đáp ứng theo yêu cầu của các biểu mẫu quy định trong các văn bản liên quan và theo yêu cầu thực tế để phục vụ các cơ quan, đơn vị báo cáo, tra cứu, theo dõi số liệu.

Chương III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 15. Thẩm quyền đăng nhập, xử lý

1. Thẩm quyền đăng nhập, xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC đăng nhập Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để khai thông tin, nhận phản hồi thông tin về việc xử lý hồ sơ, nhận kết quả xử lý đối với TTHC;

b) Người có thẩm quyền, cơ quan thực hiện TTHC và các đơn vị liên quan tiếp nhận xử lý, trao đổi, cung cấp thông tin, tình trạng xử lý, kiểm soát việc sử dụng, khai thác thông tin và trả kết quả thực hiện TTHC;

c) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh truy cập Hệ thống để quản lý tài khoản người dùng và quản lý, vận hành kỹ thuật Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

2. Cán bộ, công chức, viên chức sử dụng tài khoản công vụ, VNeID để giải quyết TTHC dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

Điều 16. Bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu

1. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh phải được áp dụng các biện pháp an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu để đảm bảo cung cấp thông tin, dữ liệu kịp thời và hiệu quả cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, VNPT Sơn La triển khai các biện pháp an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

3. Tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh có trách nhiệm sử dụng đúng thẩm quyền và tuân thủ các quy định về an toàn thông tin, dữ liệu.

Điều 17. Bảo mật thông tin

1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh phối hợp với Công an tỉnh, VNPT Sơn La bảo mật và lưu giữ thông tin của tổ chức, cá nhân trừ trường hợp phải cung cấp thông tin này cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo mật tài khoản và mật khẩu đăng nhập được cấp.

Điều 18. Xử lý sự cố

Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh xảy ra sự cố không thực hiện được việc cung cấp trực tuyến:

1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thuộc Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan bằng hình thức phù hợp và đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý sự cố đưa hệ thống vào hoạt động.

2. Cơ quan thực hiện TTHC có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản, qua điện thoại hoặc thư điện tử theo thông tin đã đăng ký và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thành các thủ tục đang thực hiện theo các phương thức khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Trong thời gian khắc phục sự cố, các TTHC được thực hiện theo các phương thức khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 19. Xây dựng quy trình nội bộ và thiết lập quy trình điện tử

1. Cơ quan, đơn vị chuyên môn thuộc UBND tỉnh chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc

thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cấp tỉnh, xã và gửi hồ sơ trình đến Văn phòng UBND tỉnh.

2. Văn phòng UBND tỉnh thẩm định, kiểm soát về hình thức, nội dung quy trình trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

3. Viễn thông Sơn La (VNPT Sơn La) chủ trì xây dựng, cấu hình quy trình điện tử của các TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được thiết lập dựa theo Quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; Đồng thời phối hợp với Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ thực hiện kiểm thử quy trình điện tử giải quyết TTHC thuộc quyền quản lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

4. Các cơ quan giải quyết TTHC có trách nhiệm đăng ký tài khoản cho cán bộ, công chức, viên chức được phân công thực hiện các bước xử lý công việc trong quy trình nội bộ đã được phê duyệt để cập nhật thông tin, dữ liệu về tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trả kết quả TTHC lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

Điều 20. Tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính

Việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 17, Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 21. Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết

Việc chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 22. Giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính

Việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 23. Tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Việc tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 20, Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 24. Dừng thực hiện thủ tục hành chính

Việc dừng thực hiện thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 21, Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 25. Trả hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Việc trả hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 22, Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 26. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành kỹ thuật Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thuộc Văn phòng UBND tỉnh là đơn vị quản lý, vận hành kỹ thuật Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, có trách nhiệm:

1. Quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp phần mềm, hệ thống an ninh, an toàn cho Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đáp ứng các yêu cầu của cơ quan thực hiện TTHC, tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Làm đầu mối tiếp nhận phản ánh, kiến nghị qua điện thoại theo quy định. Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp bảo đảm việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến đúng quy định.

3. Phối hợp các đơn vị liên quan rà soát các chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo Thông tư số 21/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Thông tư số 11/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2025; đề xuất các giải pháp để hoàn chỉnh các tính năng, yêu cầu theo quy định hiện hành.

4. Kịp thời ngăn chặn, xử lý tài khoản của tổ chức, cá nhân khi có hành vi gây nguy hại đến Hệ thống theo quy định.

5. Thông báo đến các cơ quan thực hiện TTHC và tổ chức, cá nhân thời gian khắc phục sự cố trong trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh gặp sự cố.

6. Hỗ trợ, hướng dẫn cơ quan thực hiện TTHC sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

7. Tổ chức đánh giá chất lượng, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

Điều 27. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc khai thác Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành; các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp TTHC, dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo Quy chế này. Đồng thời, thực hiện việc tích hợp, kiểm thử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; thường xuyên rà soát, đánh giá, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;

b) Quán triệt, chỉ đạo thống nhất việc sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân;

c) Thông tin, tuyên truyền về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh trong giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, địa phương mình;

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình xử lý hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để kịp thời phát hiện và giải quyết các vấn đề vướng mắc, tồn tại để đảm bảo thời gian giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân; kiểm tra, rà soát các nội dung của TTHC và quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương khi có sự thay đổi để phối hợp cập nhật kịp thời trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;

đ) Thông báo kịp thời các sự cố liên quan đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để phối hợp khắc phục, xử lý;

e) Thực hiện báo cáo về kết quả ứng dụng, khó khăn, vướng mắc và ý kiến góp ý về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh gửi về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh;

g) Cung cấp cho đơn vị quản lý, vận hành kỹ thuật Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh các yêu cầu kỹ thuật kết nối hệ thống thuộc phạm vi quản lý, tiêu chí thông tin, định dạng mẫu của hồ sơ trực tuyến theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

h) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và đặc biệt là các thao tác xử lý trong quy trình điện tử được thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;

i) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị theo đúng thẩm quyền và đảm bảo việc trả lời, công khai trên Hệ thống dịch vụ công quốc gia.

2. Trách nhiệm của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

a) Chịu trách nhiệm quản lý, vận hành hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đảm bảo duy trì hệ thống vận hành thông suốt, liên tục 24 giờ/ngày; đảm bảo an toàn,

bảo mật thông tin theo quy định; thực hiện chế độ lưu trữ dự phòng dữ liệu; đảm bảo việc kết nối, tích hợp, liên thông, đồng bộ dữ liệu với các Hệ thống thông tin do Trung ương, các Bộ ngành khi có yêu cầu;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh tăng cường truyền thông đối với các hoạt động trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;

c) Thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, tập huấn và đôn đốc việc quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Đưa kết quả giải quyết hồ sơ vào đánh giá điểm cải cách hành chính và điểm đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với các đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh;

d) Tổng hợp các thông tin, ý kiến góp ý, vướng mắc của các đơn vị liên quan đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và đề nghị nâng cấp, sửa đổi để báo cáo UBND tỉnh;

đ) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành các biện pháp khắc phục các sự cố liên quan đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đảm bảo nhanh chóng, kịp thời;

e) Tiếp nhận yêu cầu và phân quyền nghiệp vụ liên quan đến giải quyết TTHC đầy đủ cho cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC các sở, ngành nhằm phục vụ quá trình theo dõi, thống kê, báo cáo hồ sơ TTHC theo quy định;

g) Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, đánh giá định kỳ và đột xuất tình hình quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại các cơ quan, đơn vị;

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan cung cấp dịch vụ công trực tuyến có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh

a) Theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn việc triển khai TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định; phối hợp triển khai các phương án, giải pháp kết nối, tích hợp Hệ thống TTHC tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành Trung ương, phục vụ hiệu quả trong giải quyết hồ sơ TTHC, dịch vụ công trực tuyến;

b) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; Giám sát, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị trong toàn tỉnh; Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần triển khai trên địa bàn tỉnh;

c) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng lộ trình cung cấp dịch vụ công. Định kỳ hằng năm, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh lộ trình cung cấp dịch vụ công và tình hình triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị;

d) Tổ chức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân qua các kênh cung cấp thông tin trên môi trường mạng của tỉnh và trả lời theo đúng chức năng nhiệm vụ được giao hoặc chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật;

đ) Chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC và tiến độ xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; định kỳ hàng quý báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và báo cáo đột xuất (khi có yêu cầu).

4. Trách nhiệm của Công an tỉnh

a) Là đầu mối của tỉnh, chủ trì phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, VNPT Sơn La đảm bảo các điều kiện để kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoạt động ổn định, thông suốt và an toàn, an ninh thông tin theo quy định;

b) Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện rà soát, rà soát các điều kiện đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và các trang thiết bị, cơ quan, đơn vị có kết nối, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

c) Thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai và duy trì hoạt động có hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

6. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Căn cứ các nhóm tiêu chí thành phần được quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử, xây dựng Tiêu chí chấm điểm đánh giá, xếp loại cải cách TTHC trong Bộ tiêu chí chấm điểm, đánh giá, xếp loại cải cách hành chính hằng năm.

7. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến vào việc xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC, nhằm tạo ra một phương pháp làm việc khoa học, mang tính hệ thống, đơn giản hóa các biểu mẫu và tăng cường năng lực kiểm soát thông qua hình thức tra cứu báo cáo điện tử, hiệu lực của hệ thống quản lý được nâng cao.

8. Trách nhiệm các doanh nghiệp bưu chính công ích

Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, đảm bảo an toàn, đúng thời gian quy định.

Điều 28. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi sử dụng dịch vụ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh

1. Tổ chức, cá nhân có các quyền sau:

a) Được hỗ trợ đào tạo, hướng dẫn, cung cấp các thông tin cần thiết khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến;

b) Được cung cấp tài khoản sử dụng, tạm dừng, hủy bỏ tài khoản qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;

c) Được chọn lựa kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường điện tử;

d) Được bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ bí mật kinh doanh và thương mại theo quy định của pháp luật;

đ) Được cung cấp đầy đủ thông tin về quá trình, tình trạng xử lý Hồ sơ hành chính trực tuyến; hóa đơn điện tử, biên lai điện tử (nếu có);

e) Được phản ánh, kiến nghị việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;

g) Được đánh giá mức độ hài lòng về việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm sau:

a) Chịu trách nhiệm đối với tất cả các nội dung do tổ chức, cá nhân đã kê khai, gửi, đăng ký, cung cấp khi thực hiện TTHC, dịch vụ công và các tiện ích khác trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động được thực hiện bằng tài khoản của mình;

b) Thực hiện đầy đủ các quy định về giải quyết TTHC và nộp các khoản phí, lệ phí (nếu có) theo quy định;

c) Không được cản trở hoạt động cung cấp và sử dụng các dịch vụ, giả mạo, sử dụng mật khẩu trái phép, chiếm quyền điều khiển; tạo, cài đặt, phát tán phần mềm độc

hại, vi-rút máy tính; phá hoại cơ sở hạ tầng kỹ thuật Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;

d) Lưu giữ hồ sơ hành chính trực tuyến theo quy định của pháp luật giao dịch điện tử và pháp luật chuyên ngành; cung cấp các chứng từ điện tử/chứng từ giấy có liên quan để phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra (nếu có);

đ) Tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành, giao dịch điện tử, bí mật nhà nước và sử dụng chữ ký số.

Điều 29. Rà soát, đánh giá việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

1. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh cần phải được tổ chức rà soát, đánh giá để làm cơ sở cho việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan, góp phần ngày càng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

2. Công tác rà soát, đánh giá việc cung cấp dịch vụ công trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh thực hiện theo quy định cụ thể của Văn phòng Chính phủ.

Điều 30. Kết nối, tích hợp, chia sẻ, đồng bộ hóa dữ liệu giữa các hệ thống thông tin

1. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ, đồng bộ hóa dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia, Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp của Chính phủ, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC các Bộ, ngành Trung ương, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP và các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các biện pháp kỹ thuật để kết nối chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia, với các hệ thống thông tin khác do các Bộ, ngành Trung ương triển khai để phục vụ hiệu quả cho việc gửi nhận hồ sơ điện tử thực hiện TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Kịp thời đồng bộ các trạng thái hồ sơ để cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì giám sát, theo dõi và đôn đốc các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường thực hiện quy trình tích hợp kiểm thử việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định tại Điều 27 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg.

4. Bưu điện tỉnh Sơn La có trách nhiệm kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với hệ thống VNPost của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam về gửi, nhận hồ sơ, kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích và Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

Chương IV

KINH PHÍ VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 31. Chế độ báo cáo

1. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường có trách nhiệm báo cáo định kỳ *(thời gian chốt số liệu và báo cáo hàng quý vào ngày 14 tháng cuối quý; Báo cáo năm từ ngày 15 tháng 12 của năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm sau)* hoặc đột xuất tình hình thực hiện dịch vụ công trực tuyến gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có trách nhiệm báo cáo về tình hình quản lý, vận hành Hệ thống, kế hoạch triển khai bổ sung và nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo Quy chế này.

Điều 32. Kinh phí bảo đảm duy trì, vận hành và nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính

Hàng năm, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có trách nhiệm lập dự toán kinh phí cho công tác xây dựng, duy trì, vận hành, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh báo cáo Văn phòng UBND tỉnh, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 79/2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 04 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do UBND cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của

Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 358/TTr-SXD ngày 29 tháng 7 năm 2025, Báo cáo số 557/BC-SXD ngày 29 tháng 7 năm 2025; Báo cáo thẩm định số 377/BC-STP ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Sở Tư pháp; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Phiên họp thứ 49, UBND tỉnh Khóa XV (tại Thông báo số 312/TB-VPUB ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Văn phòng UBND tỉnh);

UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do UBND cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do UBND cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 8 năm 2025 và thay thế Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 3. Tổ chức thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Trưởng Phòng được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã; các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do UBND cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 78/2025/QĐ-UBND
ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh Sơn La)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết khoản 5 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 175/2024/NĐ-CP) về quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do UBND cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư (sau đây viết tắt là UBND các cấp).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do UBND các cấp quyết định đầu tư.

Điều 3. Quy trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Đối với các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư

a) Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định đồng thời là cơ quan chuyên môn về xây dựng (cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh thẩm định đồng thời các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng và các nội dung của người quyết định đầu tư), quy trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP;

b) Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định độc lập với cơ quan chuyên môn về xây dựng (các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh thẩm định các nội dung của người quyết định đầu tư), người đề nghị thẩm định gửi đồng thời hồ sơ đến các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh.

Quy trình thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh thực hiện theo quy trình thẩm định theo quy định tại Điều 19 Nghị định số

175/2024/NĐ-CP. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm thẩm định các nội dung của người quyết định đầu tư đồng thời tổng hợp nội dung thẩm định các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án. Thời gian thực hiện tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định và bản vẽ đóng dấu thẩm định của các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

2. Đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư

Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh, Phòng được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã tổ chức thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng và các nội dung của người quyết định đầu tư theo thẩm quyền được phân cấp, quy trình thẩm định theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Điều 4. Quy trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình

1. Quy trình thực hiện thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tại cơ quan chủ trì thẩm định được thực hiện như quy trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điều 19 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Đối với các thủ tục về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chủ trì thẩm định trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc.

Điều 5. Quy trình điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình

Đối với trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, việc thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 3 Quy định này sau khi đã thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Ngoài các trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, việc điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được quy định như sau:

1. Đối với các trường hợp điều chỉnh dự án có thay đổi các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 23 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, quy trình điều chỉnh thực hiện như sau:

a) Chủ đầu tư có tờ trình gửi cơ quan chủ trì thẩm định xem xét, trình người quyết định đầu tư cho chủ trương điều chỉnh;

b) Cơ quan chủ trì thẩm định xem xét nội dung điều chỉnh, trường hợp nội dung điều chỉnh phù hợp, trình người quyết định đầu tư cho chủ trương điều chỉnh;

c) Người quyết định đầu tư ban hành văn bản cho chủ trương điều chỉnh;

d) Chủ đầu tư tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng trình cơ quan thẩm định xem xét, tổ chức thẩm định theo quy trình thẩm định tại Điều 3 Quy định này;

e) Người quyết định đầu tư ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

2. Đối với trường hợp điều chỉnh cơ cấu chi phí trong tổng mức đầu tư không làm tăng tổng mức đầu tư được duyệt (*bao gồm cả nội dung bổ sung thêm khoản mục chi phí, điều chỉnh chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*) chủ đầu tư tự thực hiện điều chỉnh, phê duyệt và chịu trách nhiệm đối với nội dung điều chỉnh, đồng thời gửi quyết định phê duyệt điều chỉnh đến người quyết định đầu tư, cơ quan thẩm định để theo dõi, quản lý.

Điều 6. Quy trình điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình

Đối với trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, việc thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 4 Quy định này sau khi đã thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Ngoài các trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, việc điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được quy định như sau:

1. Đối với các trường hợp điều chỉnh dự án có thay đổi các nội dung quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; quy trình điều chỉnh thực hiện như sau:

a) Chủ đầu tư có tờ trình gửi cơ quan chủ trì thẩm định xem xét, trình người quyết định đầu tư cho chủ trương điều chỉnh;

b) Cơ quan chủ trì thẩm định xem xét nội dung điều chỉnh, trường hợp nội dung điều chỉnh phù hợp, trình người quyết định đầu tư cho chủ trương điều chỉnh;

c) Người quyết định đầu tư ban hành văn bản cho chủ trương điều chỉnh;

d) Chủ đầu tư tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, trình cơ quan chủ trì thẩm định xem xét, tổ chức thẩm định;

đ) Cơ quan chủ trì thẩm định tổ chức thẩm định, trình người quyết định đầu tư phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy trình thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo Điều 3 Quy định này);

e) Người quyết định đầu tư ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

2. Đối với các trường hợp chỉ điều chỉnh hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và không làm thay đổi các nội dung quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 23 và điểm a, điểm b khoản 1 Điều 49 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, chủ đầu tư tự thực hiện thẩm định và phê duyệt các nội dung điều chỉnh và báo cáo kết quả thực hiện với người quyết định đầu tư.

Trường hợp khi điều chỉnh, bổ sung thiết kế xây dựng đối với các nội dung quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 49 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP: Chủ đầu tư có trách nhiệm xin ý kiến chấp thuận của cơ quan chủ trì thẩm định đối với nội dung về sự phù hợp của giải pháp thiết kế bản vẽ thi công về đảm bảo an toàn xây dựng trước khi phê duyệt điều chỉnh (thời gian cho ý kiến không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan chủ trì nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định); việc thẩm tra điều chỉnh thực hiện theo yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định.

3. Đối với trường hợp điều chỉnh cơ cấu chi phí trong tổng mức đầu tư không làm tăng tổng mức đầu tư được duyệt (bao gồm cả nội dung bổ sung thêm khoản mục chi phí, điều chỉnh chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) chủ đầu tư tự thực hiện điều chỉnh, phê duyệt và chịu trách nhiệm đối với nội dung điều chỉnh, đồng thời gửi quyết định phê duyệt điều chỉnh đến người quyết định đầu tư, cơ quan thẩm định để theo dõi, quản lý.

Điều 7. Quy trình phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Thực hiện theo quy chế làm việc của UBND tỉnh và UBND cấp xã.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch UBND các cấp

Thực hiện quyền và trách nhiệm của người quyết định đầu tư theo quy định tại Điều 72 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14.

2. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn về hồ sơ trình thẩm định, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và các nội dung khác có liên quan, đảm bảo điều kiện để trình thẩm định tại cơ quan chủ trì thẩm định;

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đảm bảo đúng quy định của pháp luật, phát huy hiệu quả đầu tư;

c) Chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo của UBND tỉnh để báo cáo Bộ Xây dựng trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu về công tác thẩm định dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh: Báo cáo định kỳ về tình hình thẩm định dự án đầu tư xây dựng theo thẩm quyền quản lý gửi về UBND tỉnh trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, đồng thời gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Đảm bảo các nguồn lực và điều kiện cần thiết để Phòng có chức năng quản lý về xây dựng thực thuộc thực hiện tốt nhiệm vụ thẩm định dự án đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật;

b) Chủ động kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định dự án đầu tư xây dựng của Phòng có chức năng quản lý về xây dựng thực thuộc;

c) Báo cáo định kỳ về tình hình thẩm định dự án đầu tư xây dựng do Phòng có chức năng quản lý về xây dựng thực hiện về UBND tỉnh trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, đồng thời gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng theo quy định.

5. Phòng được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã

Thực hiện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo đúng thẩm quyền, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

6. Các chủ đầu tư

a) Thực hiện lập, trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đảm bảo tuân thủ theo đúng quy trình được phê duyệt;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người quyết định đầu tư đối với các nội dung do mình thực hiện;

c) Khi phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, đồng thời gửi văn bản đến người quyết định đầu tư, cơ quan chủ trì thẩm định để theo dõi và quản lý.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 04 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép
xây dựng và xây dựng công trình tạm trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và Nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 356/TTr-SXD ngày 29 tháng 7 năm 2025, Báo cáo số 554/BC-SXD ngày 28 tháng 7 năm 2025; Báo cáo thẩm định số 379/BC-STP ngày 27 tháng 7 năm 2025 của Sở Tư pháp; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Phiên họp thứ 49, UBND tỉnh Khóa XV (tại Thông báo số 312/TB-VPUB ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Văn phòng UBND tỉnh);

UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và xây dựng công trình tạm trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng và xây dựng công trình tạm trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 8 năm 2025 và thay thế Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định về quy mô công trình, thời hạn tồn tại của công trình để cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Tổ chức thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã; các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng
và xây dựng công trình tạm trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/2025/QĐ-UBND
ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh Sơn La)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung về phân cấp cấp giấy phép xây dựng, cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và xây dựng công trình tạm trên địa bàn tỉnh Sơn La theo các nội dung được giao quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14; khoản 1 Điều 61 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng và khoản 3 Điều 5 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng có liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng, xây dựng công trình tạm trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La

1. UBND tỉnh phân cấp cho Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình như sau (trừ các công trình phân cấp cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cấp giấy phép xây dựng):

- Các công trình xây dựng từ cấp II trở lên (trừ nhà ở riêng lẻ);
- Công trình xây dựng nằm trên địa giới 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

2. UBND tỉnh phân cấp cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cấp giấy phép xây dựng các công trình trong phạm vi ranh giới đất của các khu công nghiệp được giao quản lý.

Điều 4. Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Sơn La

1. Quy mô công trình xây dựng, chiều cao đối với công trình xây dựng mới và công trình sửa chữa, cải tạo đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

a) Đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng mới đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn có quy mô cấp III, cấp IV, không có tầng hầm hoặc bán hầm; có số tầng không quá 01 tầng; chiều cao không quá 15 m; tổng diện tích sàn không quá 200 m² đối với nhà ở riêng lẻ;

b) Đối với công trình, nhà ở riêng lẻ sửa chữa, cải tạo.

Trường hợp sửa chữa, cải tạo không làm thay đổi quy mô, chiều cao công trình thì được phép sửa chữa, cải tạo trong thời hạn tồn tại của công trình; thiết kế xây dựng phải đảm bảo theo quy định của pháp luật về xây dựng; đảm bảo an toàn công trình và công trình lân cận.

Trường hợp sửa chữa, cải tạo làm thay đổi quy mô, chiều cao công trình thì không được vượt quy mô, chiều cao quy định đối với công trình xây dựng mới quy định tại điểm a khoản này.

2. Thời hạn tồn tại của công trình xây dựng ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn tối đa không quá 5 năm. Thời hạn cụ thể do cơ quan cấp giấy phép xây dựng xem xét xác định cho phù hợp với thời hạn quy hoạch.

Điều 5. Quy định một số nội dung về xây dựng công trình tạm

1. Trình tự thực hiện chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm tại khoản 1 Điều 131 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi bổ sung tại khoản 49 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14:

a) Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến bộ phận một cửa của Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc UBND cấp xã bao gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm (mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định).

- 01 hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng tự tổ chức thẩm định, phê duyệt.

- Trường hợp công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, phòng chuyên môn trực thuộc UBND cấp xã (sau đây viết tắt là phòng chuyên môn) có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, chất lượng của hồ sơ; trường hợp chưa đảm bảo sự phù hợp của hồ sơ theo quy định phòng chuyên môn ban hành văn bản thông báo không quá 01 lần để chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân hoàn thiện, chỉnh sửa, bổ sung, trường hợp chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ

thì cơ quan chuyên môn ban hành văn bản từ chối xử lý hồ sơ; chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân được đề nghị xử lý lại hồ sơ nếu có yêu cầu bằng văn bản;

c) Trường hợp thành phần hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc căn cứ trên quy mô, loại, cấp công trình, phòng chuyên môn kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ thiết kế xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa tại địa điểm dự kiến xây dựng công trình tạm, nếu hồ sơ đáp ứng yêu cầu, phòng chuyên môn soạn thảo văn bản trình UBND cấp xã chấp thuận bằng văn bản (mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định) gửi chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân có đề nghị;

d) Thời gian tồn tại công trình quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi bổ sung tại khoản 49 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 theo thời gian đề nghị được UBND cấp xã chấp thuận và không quá 05 ngày kể từ ngày kết thúc sự kiện hoặc hoạt động khác. Trường hợp cần gia hạn thời gian tồn tại (trong thời gian 01 ngày trước khi kết thúc sự kiện hoặc hoạt động khác) chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị gia hạn thời gian (mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định) đến UBND cấp xã xem xét, chấp thuận bằng văn bản (mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định) trong thời gian 01 ngày làm việc tính từ thời điểm nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân.

2. Trình tự thực hiện chấp thuận việc tiếp tục khai thác sử dụng công trình xây dựng tạm quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi bổ sung tại khoản 49 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14:

a) Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến bộ phận một cửa của Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc UBND cấp xã bao gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận việc tiếp tục khai thác, sử dụng công trình xây dựng tạm (mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định).

- 01 hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng tự tổ chức thẩm định, phê duyệt.

- 01 hồ sơ quản lý chất lượng công trình theo mục III Phụ lục VIB ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Trường hợp công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, phòng chuyên môn có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, chất lượng của hồ sơ; trường hợp chưa đảm bảo sự phù hợp của hồ sơ theo quy định phòng chuyên môn ban hành văn bản thông báo không quá 01 lần để chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân hoàn thiện, chỉnh sửa, bổ sung, trường hợp chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn ban hành văn bản từ chối xử lý hồ sơ; chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân được đề nghị xử lý lại hồ sơ nếu có yêu cầu bằng văn bản;

c) Trường hợp thành phần hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc căn cứ trên quy mô, loại, cấp công trình, phòng chuyên môn kiểm tra hồ sơ (bao gồm: Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy mô xây dựng; kết quả kiểm định, đánh giá an toàn công trình và biện pháp bảo đảm an toàn công trình lân cận; giải pháp kết nối hạ tầng kỹ thuật về cấp điện, cấp, thoát nước, giao thông; thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường, an toàn. Trường hợp công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng theo quy định tại điểm a khoản này, phòng chuyên môn phải kiểm tra kết quả thẩm tra của đơn vị tư vấn, trong đó kết quả thẩm tra phải kết luận về thiết kế xây dựng công trình bảo đảm an toàn), tổ chức kiểm tra hiện trạng tại địa điểm xây dựng công trình tạm, nếu hồ sơ đáp ứng yêu cầu, phòng chuyên môn soạn thảo văn bản (mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định) trình UBND cấp xã chấp thuận bằng văn bản gửi chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân có đề nghị.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Trách nhiệm của UBND tỉnh

Chỉ đạo Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm đối với Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND cấp xã trong việc thực hiện cấp giấy phép xây dựng và xây dựng công trình tạm trên địa bàn.

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Tổ chức cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền. Hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND cấp xã. Kiểm tra, hướng dẫn tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy hoạch, cảnh quan kiến trúc và môi trường theo quy định;

b) Hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND cấp xã trong việc thực hiện cấp giấy phép xây dựng và xây dựng công trình tạm trên địa bàn;

c) Cung cấp thông tin quy hoạch liên quan đến mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao, mốc giới, chỉ giới đường đỏ, khoảng lùi, cốt cao độ cho các công trình cụ thể theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc cơ quan cấp giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh;

đ) Phối hợp với các ngành tham mưu với UBND tỉnh để bảo đảm các nguồn lực và điều kiện cần thiết theo đề nghị của UBND cấp xã để thực hiện tốt nhiệm vụ cấp giấy phép xây dựng; chấp thuận địa điểm, quy mô xây dựng và thời gian tồn tại của công trình tạm; chấp thuận việc tiếp tục khai thác, sử dụng của công trình tạm;

e) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu về công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Tổ chức cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền và theo hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn của Sở Xây dựng. Kiểm tra, hướng dẫn tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện công tác cấp giấy phép xây dựng đảm bảo theo quy hoạch, cảnh quan kiến trúc và môi trường theo quy định;

b) Tổ chức kiểm tra và phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND cấp xã xử lý kịp thời các vi phạm;

c) Bảo đảm các nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện tốt nhiệm vụ cấp giấy phép xây dựng các công trình trong phạm vi ranh giới đất của các khu công nghiệp được giao quản lý bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật;

d) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ: Báo cáo năm (gửi trước ngày 10 tháng 12 hằng năm) về công tác cấp giấy phép xây dựng trong khu công nghiệp.

4. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, hướng dẫn chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân trong công tác cấp giấy phép xây dựng và xây dựng công trình tạm theo thẩm quyền và theo hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn của Sở Xây dựng;

b) Chỉ đạo, điều hành, bảo đảm các nguồn lực và điều kiện cần thiết để phòng chuyên môn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, quản lý xây dựng theo giấy phép xây dựng; chấp thuận địa điểm, quy mô xây dựng và thời gian tồn tại của công trình tạm; chấp thuận việc tiếp tục khai thác, sử dụng của công trình tạm theo đúng quy định của pháp luật;

c) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ: Báo cáo năm (trước ngày 10 tháng 12 hằng năm) về công tác cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn (bao gồm cả công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã theo quy định được miễn cấp Giấy phép xây dựng).

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã kịp thời báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục**CÁC BIỂU MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ, VĂN BẢN CHẤP THUẬN**

(Ban hành kèm theo Quyết định..../QĐ-UBND ngày tháng ... năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La)

Mẫu số 01**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VỀ ĐỊA ĐIỂM, QUY MÔ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH VÀ THỜI HẠN TỒN TẠI CỦA CÔNG TRÌNH TẠM**

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân:....; Số định danh cá nhân/Mã số doanh nghiệp:

- Người đại diện:; Chức vụ:; Số định danh cá nhân:.....

- Số điện thoại:

2. Thông tin về công trình tạm đề nghị chấp thuận

- Địa điểm xây dựng: Tại..... đường/phố phường/xã:, tỉnh Sơn La.

- Mục đích xây dựng:

- Quy mô xây dựng: Diện tích xây dựng m²; tổng diện tích sàn.....m²; chiều cao công trình:m; số tầng cao:

- Cốt xây dựng:m.

- Khoảng lùi (nếu có):m.

- Dự kiến thời gian hoàn thành công trình ngày.....tháng...năm...

- Dự kiến thời gian tồn tại:

3. Tổ chức/cá nhân lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

3.1. Tổ chức/cá nhân lập thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân:Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:.....

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: ...

3.2. Tổ chức/cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân:Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:.....

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì thẩm tra thiết kế:

4. Nội dung đề nghị chấp thuận: Đề nghị chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời hạn tồn tại của công trình tạm nêu trên với mục đích.....; thời hạn tồn tại.....công trình tính từ ngày xây dựng xong công trình.

5. Cam kết: ... cam đoan làm theo đúng nội dung chấp thuận, đảm bảo tuân

thủ các quy định về an toàn chịu lực công trình và công trình lân cận, phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác. Nếu saixin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Văn bản này các tài liệu:

....., ngày tháng năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 02

UBND XÃ, PHƯỜNG....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/UBND-.....

Sơn La, ngày.... tháng năm.....

V/v thông báo chấp thuận địa
điểm, quy mô xây dựng công trình
và thời gian tồn tại của công
trình.....

Kính gửi:

Ngày.....tháng....năm....UBND xã, phường.....nhận được văn bản số....
/.....củavề việc đề nghị chấp thuận địa điểm, quy mô xây dựng công trình và
thời gian tồn tại của công trìnhđể phục vụ cho mục đích tổ chức sự kiện hoặc
hoạt động khác...

Sau khi kiểm tra thực địa tại vị trí dự kiến xây dựng công trình....., đối
chiếu với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công do (chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân).... cung
cấp, UBND xã, phường....thông báo kết quả như sau:

1. Chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trìnhđể phục vụ cho
mục đích tổ chức sự kiện (hoặc hoạt động khác).....theo đề nghị của.....với
thông tin chủ yếu sau:

- Địa điểm xây dựng: Tại:đường/phố phường/xã:, tỉnh Sơn La.
- Mục đích xây dựng:
- Quy mô xây dựng: Diện tích xây dựng m²; tổng diện tích sàn.....m²;
chiều cao công trình:m; số tầng cao:
- Cốt xây dựng:m.
- Khoảng lùi (nếu có):m.

2. Thời gian tồn tại của công trình để phục vụ cho mục đích tổ chức sự
kiện hoặc hoạt động khác.....là ngày. Hết thời gian nêu trên trong thời gian
không quá 05 ngày kể từ ngày kết thúc sự kiện hoặc hoạt động khác....(chủ đầu tư,
tổ chức, cá nhân).... phải tháo dỡ hoàn trả mặt bằng đảm bảo giữ nguyên hiện
trạng mặt bằng đã có. Trường hợp cần gia hạn thời gian tồn tại (trong thời 01 ngày
trước khi kết thúc sự kiện hoặc hoạt động khác) chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân gửi
văn bản đề nghị gia hạn thời gian đến UBND cấp xã , phường.... để xem xét, chấp
thuận đảm bảo theo quy định.

3. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân.....hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông
tin, số liệu đã cung cấp và các nội dung cam kết trong văn bản đề nghị, có trách
nhiệm thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo về an toàn chịu lực công trình và

công trình lân cận, phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác.

Trên đây là nội dung chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm để phục vụ cho mục đích tổ chức sự kiện hoặc hoạt động khác...UBND xã, phường đề nghị (chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân) thực hiện đảm bảo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng chuyên môn...;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã....
- Lưu VT, (...).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ,

PHƯỜNG

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN GIA HẠN
THỜI HẠN TỒN TẠI CỦA CÔNG TRÌNH TẠM**

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân:....; Số định danh cá nhân/Mã số doanh nghiệp:

- Người đại diện:.....; Chức vụ:.....; Số định danh cá nhân:.....

- Số điện thoại:

2. Thông tin về công trình tạm đã được chấp thuận.

- Địa điểm xây dựng: Tại:đường/phố phường/xã:, tỉnh Sơn La.

- Mục đích xây dựng:

- Quy mô xây dựng: Diện tích xây dựng m²; tổng diện tích sàn.....m²; chiều cao công trình: m; số tầng cao:

- Cốt xây dựng:m.

- Khoảng lùi (nếu có):m.

3. Nội dung đề nghị chấp thuận gia hạn:

- Thời gian đã được UBND xã, phường chấp thuận ngày..... tháng... năm...

- Thời gian đề nghị chấp thuận gia hạn.....

(Gửi kèm theo Văn bản này các tài liệu:.....)

4. Cam kết: cam đoan làm theo đúng nội dung chấp thuận được gia hạn, trong thời gian được chấp thuận gia hạn (chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân) cam kết đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn chịu lực công trình và công trình lân cận, phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ /ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 04

UBND XÃ, PHƯỜNG....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/UBND-.....

Sơn La, ngày.... tháng năm.....

V/v thông báo chấp thuận gia
hạn thời gian tồn tại của công
trình.....

Kính gửi:

Ngày.....tháng.....năm....UBND xã, phường.....nhận được văn bản số..../
.....của.....về việc đề nghị chấp thuận gia hạn thời gian tồn tại công trình.....Sau
khi xem xét UBND xã, phường thông báo chấp thuận gia hạn thời gian tồn tại công
trình nêu trên như sau:

1. Chấp thuận thời gian tồn tại của công trìnhđể phục vụ cho mục đích tổ
chức sự kiện hoặc hoạt động khác từ ngày....đến ...ngày. Hết thời gian nêu trên
trong thời gian không quá 05 ngày kể từ ngày kết thúc sự kiện hoặc hoạt động
khác.... (chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân)..... phải tháo dỡ hoàn trả mặt bằng đảm bảo
giữ nguyên hiện trạng mặt bằng đã có.

2. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân.....hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông
tin, số liệu đã cung cấp và các nội dung cam kết trong văn bản đề nghị, có trách
nhiệm thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo về an toàn chịu lực công trình và
công trình lân cận, phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi
trường và các quy định pháp luật khác trong thời gian được gia hạn.

Trên đây là nội dung chấp thuận gia hạn thời gian tồn tại của công trình
tạm..... để phục vụ cho mục đích tổ chức sự kiện hoặc hoạt động khác...UBND
xã, phường đề nghị (chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân)..... thực hiện đảm bảo theo
quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng chuyên môn...;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã....
- Lưu VT, (...).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ,

PHƯỜNG

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VỀ TIẾP TỤC
 KHAI THÁC SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TẠM**

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân:....; Số định danh cá nhân/Mã số doanh nghiệp:..

- Người đại diện:; Chức vụ:; Số định danh cá nhân:.....

- Số điện thoại:

2. Thông tin về công trình tạm đề nghị chấp thuận

- Tên công trình:

- Địa điểm xây dựng: Tại:..... đường/phố phường/xã:, tỉnh Sơn La.

- Quy mô xây dựng: Diện tích xây dựng m²; tổng diện tích sàn.....m²; chiều cao công trình:m; số tầng cao:

- Loại, cấp công trình:

- Thời gian xây dựng công trình: Năm

- Thời gian đưa công trình vào khai thác sử dụng: Năm.....

- Đơn vị thi công xây dựng công trình.....

- Mục đích xây dựng công trình:

3. Tổ chức/cá nhân lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

3.1. Tổ chức/cá nhân khảo sát, lập thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân:Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:.....

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế:

3.2. Tổ chức/cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân:Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:.....

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì thẩm tra thiết kế:

3.3. Tổ chức/cá nhân kiểm định xây dựng, đánh giá an toàn chịu lực:

- Tên tổ chức/cá nhân:Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:.....

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì tham gia:

3.4. Đơn vị thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng:

4. Nội dung đề nghị chấp thuận: Đề nghị chấp thuận về tiếp tục khai thác sử dụng công trình tạm nêu trên với mục đích.....

(Gửi kèm theo Văn bản này các tài liệu:.....)

5. Cam kết: cam đoan làm theo đúng nội dung chấp thuận, đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn chịu lực công trình và công trình lân cận, phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ /ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 06

UBND XÃ, PHƯỜNG....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/UBND-.....

Sơn La, ngày.... tháng năm.....

V/v thông báo chấp thuận việc
tiếp tục khai thác sử dụng của
công trình xây dựng.....

Kính gửi:

Ngày.....tháng.....năm....UBND xã, phường.....nhận được văn bản số..../
.....củavề việc đề nghị chấp thuận việc tiếp tục khai thác sử dụng công trình
xây dựng tạm của công trình

Sau khi kiểm tra thực địa tại vị trí dự kiến xây dựng công trình....., đối
chiếu với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công do (chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân).... cung
cấp, UBND xã, phường....có thông báo kết quả như sau:

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TRÌNH ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN

1. Tên công trình:
2. Chủ đầu tư:
3. Địa điểm xây dựng: Tại:..... đường/phố phường/xã:....., tỉnh Sơn La.
4. Loại, cấp công trình:
5. Thời gian xây dựng công trình ngày.....tháng...năm...
6. Thời gian đưa công trình vào khai thác sử dụng: Năm.....
7. Đơn vị thi công xây dựng công trình.....
8. Mục đích xây dựng công trình:
9. Tổ chức/cá nhân lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:
 - 9.1. Tổ chức/cá nhân khảo sát, lập thiết kế xây dựng:
 - Tên tổ chức/cá nhân:Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:.....
 - Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế:
 - 9.2. Tổ chức/cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng (nếu có):
 - Tên tổ chức/cá nhân:Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:.....
 - Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì thẩm tra thiết kế:
 - 9.3. Tổ chức/cá nhân kiểm định xây dựng, đánh giá an toàn chịu lực (nếu có):...
 - Tên tổ chức/cá nhân:Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:.....
 - Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì tham gia:

9.4. Đơn vị thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng:

10. Quy mô xây dựng: Diện tích xây dựng..... m²; tổng diện tích sàn.....m²; chiều cao công trình:m; số tầng cao:

11. Các giải pháp thiết kế chủ yếu (trình bày khái quát về các giải pháp thiết kế chính liên quan đến công trình như giải pháp thiết kế kiến trúc, kết cấu, cấp điện, cấp nước, phòng cháy và chữa cháy, đấu nối hạ tầng kỹ thuật...).

12. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN

1. Văn bản số.../..... của về việc đề nghị chấp thuận việc tiếp tục khai thác sử dụng công trình xây dựng tạm của công trình.

2. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (liệt kê số lượng, thành phần bản vẽ...)

3. Hồ sơ quản lý chất lượng công trình (liệt kê số lượng, thành phần...)

III. CÁC NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Sự phù hợp về quy mô xây dựng của công trình so với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch:.....

2. Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế bản vẽ thi công về bảo đảm an toàn công trình và biện pháp bảo đảm an toàn công trình lân cận (trong đó kiểm tra kết quả thẩm tra (nếu có) của đơn vị tư vấn thẩm tra về kết luận thiết kế xây dựng công trình bảo đảm an toàn; các kết quả kiểm định, đánh giá an toàn công trình của đơn vị tư vấn kiểm định xây dựng (nếu có):

3. Sự phù hợp về khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực (gồm sự phù hợp về giải pháp kết nối hạ tầng kỹ thuật về cấp điện, cấp, thoát nước, giao thông):

4. Việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường:....

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận: Chấp thuận việc khai thác sử dụng công trình..theo đề nghị của.....tại văn bản...../.....với mục đích.....

2. Kiến nghị đối với chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân....(nếu có)

Trên đây là nội dung chấp thuận việc khai thác sử dụng công trình.....để phục vụ cho mục đích ...UBND xã, phường đề nghị (chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân).....thực hiện đảm bảo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng chuyên môn...;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã....
- Lưu VT, (...).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ,

PHƯỜNG

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81/2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 04 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 45/2020/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh về việc quy định tài sản công có giá trị lớn trong trường hợp sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Sở Tài chính;

UBND tỉnh Sơn La ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 45/2020/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh về việc quy định tài sản công có giá trị lớn trong trường hợp sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 45/2020/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh về việc quy định tài sản công có giá trị lớn trong trường hợp sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc

phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La lớn trong trường hợp sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 45/2020/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh về việc quy định tài sản công có giá trị lớn trong trường hợp sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2025 ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1928/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 01 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch tuyên truyền
công tác cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 516/TTr-SNV ngày 28 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2025.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch này, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Tuyên truyền công tác cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2025
(kèm theo Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác cải cách hành chính (CCHC). Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể, công chức, viên chức trong việc tổ chức triển khai thực hiện công tác CCHC.

b) Thông tin, tuyên truyền CCHC sâu rộng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC); xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Tạo chuyển biến tích cực hơn nữa về tinh thần, thái độ làm việc, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ.

c) Nâng cao nhận thức của người dân, tổ chức về ý nghĩa, mục tiêu, tầm quan trọng của CCHC đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo được sự đồng thuận của người dân, tổ chức và xã hội trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC.

d) Tăng cường công tác phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hành chính nhà nước với các cơ quan truyền thông, báo chí; bảo đảm những thông tin về tình hình triển khai và kết quả thực hiện CCHC trên địa bàn tỉnh được phản ánh đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Nâng cao năng lực, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, phóng viên phụ trách đưa tin, bài, phóng sự về công tác CCHC.

2. Yêu cầu

a) Công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú gắn với triển khai nhiệm vụ kinh tế - xã hội; đảm bảo kịp thời, đầy đủ, đáp ứng nhu cầu nắm bắt, tìm hiểu thông tin về CCHC của cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

b) Tuyên truyền về CCHC phải gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương và thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch CCHC của tỉnh năm 2025.

c) Tăng cường các lực lượng tham gia công tác tuyên truyền; kết hợp công tác tuyên truyền về CCHC lồng ghép với phổ biến, tuyên truyền, giáo dục về các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tận dụng tối đa lợi thế của các ứng dụng mạng xã hội, các nền tảng số, trí tuệ nhân tạo (AI), trợ lý ảo trong công tác tuyên truyền.

3. Đối tượng

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp và mọi tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

1. Nội dung

a) Tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu và tác động tích cực của công tác CCHC đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh; quyết tâm chính trị của tỉnh thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025. Vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập đối với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC.

b) Tuyên truyền các mục tiêu và giải pháp của tỉnh về nâng cao hiệu quả công tác CCHC, nhằm duy trì và cải thiện kết quả các chỉ số: Chỉ số CCHC (PAR INDEX); Chỉ số hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Chuyển đổi số (DTI)...

c) Tuyên truyền tình hình triển khai, tiến độ, kết quả thực hiện Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ; Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch CCHC năm 2025 của UBND tỉnh; các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của Chính phủ và của tỉnh.

d) Tình hình triển khai, kết quả thực hiện cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử theo quy định của Chính phủ; tình hình thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

đ) Tuyên truyền kết quả sắp xếp, tinh gọn bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; kết quả triển khai cải cách công vụ, công chức. Các quy định của pháp luật về quản lý, tuyển dụng, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống hành chính; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực

hiện công vụ, nhiệm vụ, đặc biệt là trong giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo yêu cầu chất lượng cho việc thực hiện nhiệm vụ trong trình hình mới.

e) Tuyên truyền công tác quản lý, điều hành ngân sách của tỉnh; việc đổi mới trong cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; việc thực hiện quy chế dân chủ và công khai tài chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

g) Tập trung triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2025. Xây dựng Kế hoạch của Ban Chỉ đạo tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025. Chuẩn bị các nội dung tổ chức cuộc họp Ban chỉ đạo 1287 quý, năm 2025. Xây dựng dự thảo báo cáo quý, năm của Ban Chỉ đạo 1287. Xây dựng Quyết định ban hành Khung Kiến trúc số tỉnh Sơn La, phiên bản 4.0; Quyết định điều chỉnh bộ chỉ số của tỉnh triển khai theo Quyết định số 405/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

h) Tuyên truyền, biểu dương cách làm hay, tấm gương tiêu biểu, các tổ chức, tập thể xuất sắc, các sáng kiến, ý tưởng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn tỉnh; phản ánh các ý kiến, góp ý, của người dân, tổ chức, doanh nghiệp đối với công tác CCHC của tỉnh, cũng như những vấn đề bất cập, tồn tại, khó khăn trong công tác CCHC.

2. Hình thức

a) Thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La; hệ thống phát thanh, truyền thanh; Công/Trang Thông tin điện tử của tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường.

b) Tổ chức hội nghị, tập huấn, quán triệt nội dung, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CCHC nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; lồng ghép nội dung CCHC trong các cuộc họp giao ban, phiên họp thường kỳ của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường.

c) Tổ chức tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế, phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; chính sách khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp; tổ chức các buổi tọa đàm, gặp gỡ, trao đổi, giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp.

d) Duy trì, tăng cường sử dụng các nền tảng mạng xã hội như trang Zalo Official Account (OA), Facebook, Tiktok... để thông tin, tuyên truyền CCHC; tương tác với tổ chức, doanh nghiệp, công dân trong quá trình giải quyết TTHC.

đ) Phát hành Bản tin điện tử CCHC của Văn phòng Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 với số lượng 04 số/tháng và đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

i) Hàng tháng, đăng tin, bài về công tác CCHC trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

k) Các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác phù hợp với đặc điểm, tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí cho công tác thông tin, tuyên truyền CCHC năm 2025 được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác *(nếu có)*.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ tuyên truyền về CCHC chủ động bố trí kinh phí để triển khai thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì theo kế hoạch

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này, bám sát tình hình thực tế, chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền CCHC *(thời gian ban hành Kế hoạch **chậm nhất ngày 07 tháng 8 năm 2025**)* và tổ chức thực hiện ở cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc đẩy mạnh công tác tuyên truyền về CCHC, tăng cường công tác tự kiểm tra CCHC.

- Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì theo Kế hoạch có trách nhiệm tham mưu, triển khai thực hiện đúng tiến độ nhiệm vụ được giao.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chỉ đạo tuyên truyền đầy đủ các nội dung CCHC tại cơ quan, đơn vị; đảm bảo các nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp, hiệu quả.

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác tuyên truyền CCHC, cùng với nội dung báo cáo về công tác CCHC qua Sở Nội vụ *(lồng ghép vào báo cáo công tác CCHC định kỳ hoặc báo cáo chuyên đề theo yêu cầu)*, để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định.

- Hàng tháng, mỗi sở, ban, ngành, có ít nhất 02 tin, bài; UBND các xã, phường ít nhất 01 tin, bài về công tác CCHC được đăng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh *(địa chỉ: banbientap@sonla.gov.vn)*.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường trong việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp, báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện công tác thông tin, tuyên

truyền CCHC trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm để gửi Bộ Nội vụ theo quy định (*lồng ghép vào báo cáo công tác CCHC*).

- Tham mưu tổ chức các lớp tập huấn về CCHC, định hướng và nâng cao nhận thức về CCHC cho đội ngũ công chức, viên chức.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Báo và phát thanh, truyền hình Sơn La; hệ thống phát thanh, truyền thanh; Cổng/Trang Thông tin điện tử của tỉnh.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, rà soát, cân đối kinh phí để thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền CCHC; đồng thời hướng dẫn các đơn vị lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu tổ chức đối thoại của lãnh đạo UBND tỉnh với doanh nghiệp định kỳ 2 lần/năm để trao đổi, giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tổ chức hoạt động cấp tỉnh hưởng ứng ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025; xây dựng phóng sự phát thanh, truyền hình tuyên truyền về thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Sơn La.

- Phối hợp với đơn vị chủ trì, đơn vị cung cấp dịch vụ đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định hạ tầng kỹ thuật Trang Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học, ứng dụng và nhân rộng các sáng kiến về CCHC mang lại hiệu quả cho hoạt động quản lý nhà nước.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tuyên truyền và phổ biến đến người dân, doanh nghiệp về mục đích, ý nghĩa của công tác kiểm soát TTHC; quyền được phản ánh kiến nghị về những thắc mắc, khó khăn trong khi thực hiện TTHC.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan đăng tải, tuyên truyền các video clip hướng dẫn tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp truy cập vào cổng dịch vụ công Quốc gia; trang dịch vụ công trực tuyến để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến một phần, dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cách tra cứu danh mục TTHC; quy trình giải quyết TTHC, thực hiện thanh toán phí, lệ phí trực tuyến và các dịch vụ hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong giải quyết các TTHC.

- Chịu trách nhiệm thẩm định nội dung đối với các tin bài, sản phẩm, hoạt động tuyên truyền về CCHC do các cơ quan, đơn vị gửi về và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng Chuyên mục “Thông tin cải cách hành chính” trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh; hướng dẫn các cá nhân, tổ chức khai thác và sử dụng thông tin về TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC từ cổng Dịch vụ công quốc gia.

6. Sở Tư pháp

Lồng ghép tuyên truyền về CCHC vào chương trình tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh.

7. Đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La, các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng phát sóng các chương trình về CCHC; tăng cường số lượng những tin, bài về CCHC trong các chương trình Thời sự và bản tin khác; phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ trong việc duy trì các Chuyên mục CCHC trên sóng phát thanh và truyền hình, tăng cường các buổi đối thoại về CCHC, biên dịch ra tiếng dân tộc (*Thái, Mông*).

- Phát huy hiệu quả của các chuyên trang, chuyên mục về CCHC; tăng cường tần suất các tin, bài nghiên cứu, trao đổi về CCHC trên các số báo thường kỳ (*kể cả báo in và báo điện tử*).

- Xây dựng chương trình theo hình thức mới nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về CCHC cho các tầng lớp Nhân dân.

8. Đề nghị Trường Chính trị tỉnh

Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy đảm bảo việc lồng ghép các nội dung CCHC của Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ và kế hoạch CCHC hàng năm trên địa bàn tỉnh vào chương trình giảng dạy phù hợp với các đối tượng học viên.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những nội dung của Chương trình tổng thể CCHC của Chính phủ, của tỉnh đến các tổ chức thành viên, đoàn viên, hội viên, người lao động để cùng chung tay phối hợp thực hiện tốt công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC tỉnh Sơn La năm 2025, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh trực tiếp về Sở Nội vụ (*là cơ quan thường trực về công tác cải cách hành chính*) để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1929/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 01 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 1574/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 135/TTr-STP ngày 30 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
(Kèm theo Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định cụ thể công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Luật), bảo đảm kịp thời, thống nhất và hiệu quả, tránh lãng phí.

b) Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc thực hiện các hoạt động triển khai thi hành Luật.

c) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai thi hành Luật.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp; sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa các sở, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật.

b) Nội dung công việc phải gắn với việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị và các văn bản có liên quan chặt chẽ đến Luật; gắn với trách nhiệm, vai trò của cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì, cơ quan phối hợp và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong các hoạt động triển khai thi hành Luật.

c) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tránh lãng phí.

d) Thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thi hành Luật.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tham mưu với UBND tỉnh tổ chức quán triệt, truyền thông Luật số 64/2025/QH15, Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

a) Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp

b) Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Quý III năm 2025 (sau khi Bộ Tư pháp triển khai).

d) Sản phẩm: Hội nghị, tọa đàm, tài liệu phổ biến, tài liệu truyền thông.

2. Tiếp tục rà soát, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành VBQPPL sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các VBQPPL để phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy

a) Cơ quan chủ trì: Các sở, ngành; UBND cấp xã.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Thường xuyên và hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.

d) Sản phẩm: Danh mục văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ. VBQPPL được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.

3. Tổ chức các Hội nghị tập huấn về nghiệp vụ và kỹ năng xây dựng, ban hành VBQPPL; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL; tổ chức thi hành VBQPPL

a) Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Hằng năm.

d) Sản phẩm: Tài liệu Hội nghị tập huấn chuyên sâu của địa phương.

4. Rà soát, sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật, công tác pháp chế

a) Rà soát đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật, công tác pháp chế

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ngành; UBND cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

- Sản phẩm: Báo cáo kết quả rà soát cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật, công tác pháp chế. Các sở, ngành; UBND cấp xã gửi báo cáo về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

b) Bố trí, sử dụng cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật bảo đảm chuyên nghiệp; điều động, luân chuyển cán bộ, công chức có kiến thức, kỹ năng làm công tác xây dựng pháp luật

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ngành; UBND cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

- Sản phẩm: kế hoạch phát triển nguồn nhân lực làm công tác xây dựng pháp luật; Quyết định bố trí, điều động, luân chuyển cán bộ, công chức có kiến thức, kỹ năng làm công tác xây dựng pháp luật.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL; tổ chức thi hành VBQPPL; ứng dụng công nghệ số trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về VBQPPL; quản lý chương trình xây dựng VBQPPL

a) Cơ quan chủ trì: Các sở, ngành; UBND cấp xã.

b) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

d) Sản phẩm: Cơ sở dữ liệu lớn về xây dựng pháp luật; Trợ lý ảo, phần mềm hỗ trợ công tác xây dựng pháp luật; Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về VBQPPL; Hệ thống thông tin quản lý chương trình xây dựng VBQPPL.

6. Kiểm tra, đôn đốc, theo dõi tình hình tổ chức thi hành Luật và các văn bản quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ở địa phương

a) Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

d) Sản phẩm: Văn bản đôn đốc, báo cáo kết quả tổ chức thi hành Luật.

7. Phối hợp với Bộ Tư pháp, các bộ, ngành xây dựng Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù cho công tác xây dựng pháp luật; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn nghiệp vụ công tác xây dựng, ban hành VBQPPL

a) Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Theo đề nghị của Bộ Tư pháp, các bộ, ngành có liên quan.

d) Sản phẩm: Văn bản tham gia ý kiến.

III. KINH PHÍ BẢO ĐẢM

1. Kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hằng năm của các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các nhiệm vụ triển khai trong năm 2025, các sở, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động bố trí trong nguồn ngân sách nhà nước được giao năm 2025 để triển khai thực hiện.

3. Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch này có trách nhiệm lập kế hoạch, dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng và báo cáo

cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổng hợp, trình cơ quan có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định về phân cấp ngân sách hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động, tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch này theo nhiệm vụ được phân công, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức, lãng phí.

Đồng thời, căn cứ nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tiễn, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thi hành Luật hoặc lồng ghép vào kế hoạch triển khai các VBQPPL có liên quan. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh.

2. Sở Tư pháp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành; UBND cấp xã; cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch theo đúng tiến độ; tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tư pháp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1930/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 01 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tư pháp
người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tư pháp người chưa thành niên ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1089/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tư pháp người chưa thành niên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 136/TTr-STP ngày 30 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH
Triển khai thi hành Luật Tư pháp
người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1930/QĐ-UBND
ngày 01/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, tuyên truyền và phổ biến sâu rộng nội dung của Luật Tư pháp người chưa thành niên và các văn bản hướng dẫn thi hành đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và quần chúng Nhân dân trên địa bàn tỉnh.
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai thi hành Luật, bảo đảm kịp thời, thống nhất, hiệu quả.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp triển khai thực hiện, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.
- Nâng cao trách nhiệm, bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa các cấp, các ngành trong việc triển khai thực hiện Luật Tư pháp người chưa thành niên và các văn bản hướng dẫn thi hành; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

II. NỘI DUNG VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tư pháp người chưa thành niên

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tư pháp người chưa thành niên bằng các hình thức cụ thể, phong phú, đa dạng; tích cực ứng dụng chuyển đổi số trong tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tư pháp người chưa thành niên; phối hợp với các cơ quan báo chí tổ chức thực hiện các chuyên mục, chương trình, tin, bài phổ biến và các hình thức khác theo quy định của pháp luật phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

- *Cơ quan thực hiện:* Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2025 và các năm tiếp theo.

2. Tổ chức tập huấn chuyên sâu, bồi dưỡng kiến thức về Luật Tư pháp người chưa thành niên

- *Cơ quan chủ trì:* Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ.

- *Cơ quan phối hợp:* Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2025 và các năm tiếp theo.

3. Biên soạn tài liệu phục vụ công tác phổ biến Luật Tư pháp người chưa thành niên và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; tài liệu tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ

- *Cơ quan thực hiện:* Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ.

- *Cơ quan phối hợp:* Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2025 và các năm tiếp theo.

4. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

- *Nội dung:* Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước; kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan.

- *Cơ quan thực hiện:* Các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Tư pháp người chưa thành niên và văn bản khác có liên quan

- *Nội dung:* Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và văn bản khác có liên quan trên cơ sở thông báo của Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành Trung ương về nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết (*nếu có*).

- *Cơ quan thực hiện:* Các sở, ban, ngành tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên hoặc sau khi có yêu cầu của các Bộ, ngành Trung ương.

6. Tổ chức thực hiện các Đề án phục vụ triển khai thi hành Luật

- *Cơ quan chủ trì:* Công an tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* các sở, ban, ngành và cơ quan có liên quan.

- *Thời gian thực hiện:* sau khi Bộ Công an xây dựng xong các Đề án.

7. Công bố danh sách người làm công tác xã hội theo khoản 5 Điều 32 của Luật Tư pháp người chưa thành niên

- *Cơ quan chủ trì:* Sở Y tế.

- *Cơ quan phối hợp:* Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- *Thời gian thực hiện:* Tham mưu trình UBND tỉnh công bố trước ngày 15 tháng 12 năm 2025 và tham mưu cập nhật, bổ sung trước ngày 01 tháng 12 hàng năm.

8. Tổ chức kiểm tra việc thi hành Luật Tư pháp người chưa thành niên và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

- *Cơ quan thực hiện*: Các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan.

- *Thời gian thực hiện*: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách hiện hành và nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Đối với các nhiệm vụ triển khai trong năm 2025, các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, phường chủ động bố trí trong nguồn ngân sách nhà nước được giao năm 2025 để triển khai thực hiện (*ngân sách nhà nước không cấp bổ sung*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được phân công tại Kế hoạch này, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả. Định kỳ hoặc đột xuất có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (*qua Công an tỉnh*) để tổng hợp chung.

2. Công an tỉnh là cơ quan đầu mối có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hoặc đột xuất trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương và lĩnh vực theo dõi của ngành có trách nhiệm rà soát, tổng hợp và tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Công an theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tư pháp người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Sơn La. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm các nội dung, yêu cầu của Kế hoạch đã đề ra./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1955/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 04 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ủy quyền thực hiện trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà ở
thuộc tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở
năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 353/TTr-SXD ngày 26 ngày 7 năm 2025; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Phiên họp thứ 49, UBND tỉnh Khóa XV (tại Thông báo số 312/TB-VPUB ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Văn phòng UBND tỉnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho UBND cấp xã thực hiện nội dung sau:

1. Nội dung và phạm vi ủy quyền

Ủy quyền cho UBND cấp xã thực hiện trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà ở thuộc tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở năm 2023 trong phạm vi địa bàn quản lý, gồm:

a) Quyết định đối tượng được thuê nhà ở công vụ, được thuê, chuyển quyền thuê, mua nhà ở thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 13 của Luật Nhà ở 2023; quyết định đối tượng được thuê, thuê mua, mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; quyết định đối tượng được bố trí nhà ở phục vụ tái định cư;

- b) Lựa chọn đơn vị quản lý vận hành nhà ở, đơn vị bảo trì nhà ở;
- c) Quyết định việc bảo trì, cải tạo, phá dỡ, xây dựng lại nhà ở; phê duyệt phương án di dời, cưỡng chế di dời, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bố trí chỗ ở tạm thời theo thẩm quyền;
- d) Ban hành hoặc quyết định giá thuê, giá thuê mua, giá bán nhà ở, miễn, giảm tiền thuê, tiền mua nhà ở;
- đ) Quyết định chuyển đổi công năng nhà ở theo quy định tại Điều 124 của Luật Nhà ở năm 2023;
- e) Quyết định việc sử dụng kinh phí thu được từ hoạt động kinh doanh đối với phần diện tích dùng để kinh doanh dịch vụ trong nhà ở phục vụ tái định cư nhằm hỗ trợ kinh phí bảo trì và công tác quản lý vận hành nhà ở này;
- g) Quyết định thu hồi nhà ở, quyết định cưỡng chế thu hồi nhà ở;
- h) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Cách thức thực hiện

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

3. Các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn ủy quyền

UBND cấp xã chủ động rà soát, đảm bảo nguồn lực và kinh phí để tổ chức thực hiện nội dung được ủy quyền tại khoản 1 Điều này đảm bảo các quy định của pháp luật. Trường hợp phát sinh các vấn đề vượt thẩm quyền, UBND cấp xã báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Xây dựng) xem xét, chỉ đạo.

4. Thời gian ủy quyền

Từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng có văn bản thay thế hoặc hết hiệu lực thi hành.

Điều 2. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm được UBND tỉnh ủy quyền nêu tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền theo quy định.

2. Báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh về những nội dung được ủy quyền. Kịp thời đề xuất, báo cáo UBND tỉnh xem xét việc tiếp tục ủy quyền theo quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1959/QĐ -UBND

Sơn La, ngày 05 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành kế hoạch phát triển hạ tầng số
trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2025 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1562/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-BKH-CN ngày 18 tháng 5 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025 -2030;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 216/TTr-SKH-CN ngày 25 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2025 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2025 - 2030**

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đề ra tại Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị; Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1676/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1562/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 5 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Nghị quyết số 71/NQ-CP; Kế hoạch số 333-KH/TU và Kế hoạch số 142/KH-UBND.

- Là cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương và các doanh nghiệp liên quan tổ chức thực hiện; tăng cường công tác quản lý, phối hợp chặt chẽ triển khai phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu đề ra.

2. Yêu cầu

- Phát triển hạ tầng số, mạng viễn thông băng rộng bảo đảm dung lượng lớn, tốc độ cao, công nghệ hiện đại; hạ tầng điện toán đám mây; hạ tầng Internet vạn vật (IoT) được tích hợp rộng rãi bảo đảm phát triển hài hòa phục vụ tốt chuyển đổi số, xây dựng chính phủ số, xã hội số, công dân số, kinh tế số...

- Hạ tầng số được ưu tiên phát triển, bảo vệ và được triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm và các hạ tầng kỹ thuật khác.

- Phát triển hạ tầng số đảm bảo tính kế thừa, đồng bộ, bảo đảm an toàn, an ninh mạng và theo nguyên tắc dùng chung, chia sẻ hạ tầng; dịch vụ hạ tầng số đa dạng, bền vững đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu năm 2025

a) Hạ tầng viễn thông - Internet

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn $\geq 15\%$.

- Phấn đấu $\geq 60\%$ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.

b) Hạ tầng dữ liệu

- Hình thành trung tâm dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

c) Hạ tầng vật lý - số

- Hạ tầng Internet vạn vật (IoT) sẵn sàng tại tất cả các khu công nghiệp, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo.

d) Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ

- 10% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.
- Triển khai các nền tảng cung cấp các công nghệ số theo hướng dẫn (IoT, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, an ninh mạng,...) như dịch vụ, đóng vai trò là hạ tầng mềm để phát triển kinh tế, xã hội.

2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Hạ tầng viễn thông - Internet

Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn quốc, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo.

- 100% người sử dụng có khả năng truy nhập cáp quang với tốc độ 1Gb/s trở lên.
- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%.
- Xây dựng, bảo đảm năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G.
- Tỷ lệ sử dụng IPv6 đạt 90%; chuyển đổi hoàn toàn mạng Internet trên địa bàn tỉnh sang IPv6, sẵn sàng cho IPv6 only, Internet of Things.

b) Hạ tầng dữ liệu

Trung tâm dữ liệu, Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đáp ứng đủ nhu cầu lưu trữ dữ liệu của toàn bộ các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

c) Hạ tầng vật lý - số

- Phát triển hạ tầng vật lý số, tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu (giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị).

- Trung bình mỗi người dân có 03 kết nối Internet vạn vật (IoT- Internet of Things).

d) Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ

- 30% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân
- Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số (*bao gồm các nền tảng số: định danh số, xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số; tích hợp, chia sẻ dữ liệu*).

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Phát triển hạ tầng viễn thông và Internet

a) Phát triển, mở rộng hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao, độ trễ thấp đến các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp, các khu công nghiệp cao, bệnh viện, trường học, các khu du lịch...; sẵn sàng kết nối mạng cáp quang băng rộng đến 100% hộ gia đình có nhu cầu.

b) Đầu tư mở rộng hạ tầng băng rộng di động 5G tại các khu vực trọng điểm: Khu vực hành chính công; khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu du lịch trọng điểm; cơ sở y tế; các trường cao đẳng, đại học; đầu mối giao thông; dọc tuyến đường bộ, các trung tâm thương mại; khu công nghiệp; khu vực tập trung đông dân cư; các tòa nhà thương mại, khách sạn; các đô thị và khu vực trọng điểm ở nông thôn.

c) Tăng cường chia sẻ, dùng chung hạ tầng kỹ thuật với các ngành khác (giao thông, điện, chiếu sáng...) để phát triển hạ tầng viễn thông bền vững, bảo đảm hiệu quả đầu tư; Chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật dùng chung giữa các doanh nghiệp viễn thông để mở rộng vùng phủ sóng mạng di động 4G, 5G cũng như giảm thiểu chi phí đầu tư và mỹ quan đô thị.

d) Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền số gắn kết với phát triển đô thị thông minh, giao thông thông minh, nông nghiệp thông minh, quản lý tài nguyên, môi trường ...; kết hợp tối đa với hạ tầng do các tổ chức, cá nhân đã đầu tư, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

e) Xây dựng, triển khai Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Sơn La đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

2. Phát triển hạ tầng dữ liệu

a) Triển khai Trung tâm điều hành thông minh, Trung tâm dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung, của tỉnh theo công nghệ điện toán đám mây đủ năng lực cung cấp môi trường cài đặt, duy trì hoạt động các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh và ứng dụng CNTT của các cơ quan, đơn vị theo công nghệ điện toán đám mây. Đề xuất và triển khai phương án dự phòng cho Trung tâm dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung theo tiêu chuẩn, quy định hiện hành.

b) Đầu tư, nâng cấp, duy trì, hoạt động một cách thường xuyên, ổn định nền tảng trực tích hợp kết nối, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh nhằm kết nối các hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh.

c) Tiếp tục duy trì hoạt động cổng dữ liệu mở của tỉnh, đảm bảo kết nối với CSDL của các ngành, lĩnh vực, địa phương nhằm chia sẻ, khai thác CSDL phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và công khai, minh bạch thông tin của các cơ quan chính quyền cho người dân, doanh nghiệp.

3. Phát triển Hạ tầng vật lý - số

a) Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng theo hướng hiện đại, tiên tiến, thống nhất, tập trung, xuyên suốt, băng thông rộng, tốc độ cao, kết nối an toàn, có dự phòng và khả năng mở rộng đáp ứng các yêu cầu kết nối liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc.

b) Rà soát lập phương án triển khai hạ tầng công nghệ thông tin tại trụ sở các xã, phường mới được thành lập đảm bảo hoạt động thông suốt các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh và ứng dụng CNTT của các cơ quan, đơn vị.

c) Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

d) Phát triển hạ tầng vật lý - số trong các lĩnh vực có tác động lớn như giao thông thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh... để nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế.

4. Phát triển Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ

a) Tiếp tục ứng dụng có hiệu quả các nền tảng số như: Định danh số; xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số tích hợp, chia sẻ dữ liệu; xác thực văn bản số; chữ ký số và chứng thực chữ ký số. Tích hợp dữ liệu CSDL quốc gia như: CSDL quốc gia về dân cư, CSDL căn cước công dân, CSDL quốc gia về xuất nhập cảnh, CSDL chữ ký số và CSDL khác.

b) Tập trung triển khai IPv6 trong toàn bộ các cơ quan nhà nước, các hệ thống thông tin.

c) Đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công nghệ AI, Bigdata, blockchain, IoT để thông minh hóa, tự động hóa các hoạt động kinh tế, xã hội.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, nâng cao năng lực khai thác hạ tầng số

a) Tổ chức các Hội nghị, hội thảo về hạ tầng số, kết hợp với cơ quan báo chí tuyên truyền, phổ biến về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển hạ tầng số, khuyến khích các doanh nghiệp tập trung đầu tư phát triển hạ tầng số đáp ứng yêu cầu phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

b) Truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

c) Tuyên truyền, phổ biến những đặc tính, khả năng đáp ứng, cung cấp dịch vụ của hạ tầng băng rộng cố định, băng rộng di động chất lượng cao (5G, 6G) để các tổ chức, cá nhân, nắm bắt, xác định nhu cầu (về tốc độ, độ trễ, ...) theo từng mục đích sử dụng (y tế, giáo dục, thương mại điện tử, ...).

2. Ưu tiên phát triển hạ tầng số

a) Ưu tiên phát triển, duy trì hạ tầng số như hạ tầng giao thông, năng lượng; Trong quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch của từng địa phương phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển hạ tầng băng rộng).

b) Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình xây dựng phát triển hạ tầng viễn thông thụ động, chính trang, ngầm hóa mạng cáp viễn thông đồng bộ với hạ tầng ngành khác (giao thông, xây dựng, cấp thoát nước, chiếu sáng, năng lượng) theo nguyên tắc tăng cường chia sẻ, dùng chung, đảm bảo hiệu quả, giảm chi phí đầu tư.

c) Tăng cường, phối hợp, thúc đẩy chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của các doanh nghiệp viễn thông bảo đảm mỹ quan và an toàn cho người dân; triển khai các phương án chia sẻ hạ tầng tiên tiến (thụ động, tích cực).

d) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho hạ tầng dùng chung của các cơ quan nhà nước; tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, khai thác, chia sẻ, phân tích và điều phối dữ liệu của các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã.

3. Huy động nguồn lực, bảo đảm kinh phí thực hiện

a) Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí (*bao gồm nguồn kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư*) theo phân cấp ngân sách hiện hành để triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch do tỉnh thực hiện.

b) Doanh nghiệp viễn thông đề xuất với tập đoàn bảo đảm kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch này do doanh nghiệp triển khai, ưu tiên tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng, phát triển hạ tầng số, các nền tảng số cho các ngành, lĩnh vực, địa phương.

c) Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ số, đáp ứng yêu cầu phát triển hạ tầng số, công nghệ blockchain cho đội ngũ cán bộ, công chức, doanh nghiệp và người dân; Tạo mối liên kết về nhân lực giữa cơ sở giáo dục, các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh với các doanh nghiệp viễn thông.

4. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, quyền lợi người dùng

a) Thực thi văn bản quy phạm pháp luật, chính sách và văn bản hướng dẫn thi hành về bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong phát triển hạ tầng số, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

b) Xử lý các nguồn phát tán thông tin vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số từ chối hợp tác, kinh doanh với các tổ chức, doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật và không để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật sử dụng hạ tầng của mình.

c) Bảo vệ quyền lợi người sử dụng, ứng phó, xử lý ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trên hạ tầng viễn thông.

d) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng khi cung cấp các dịch vụ trên nền tảng số cho tổ chức, cá nhân; có phương án, hệ thống dự phòng bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các tình huống xấu nhất.

5. Kiểm tra, giám sát

a) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện kế hoạch, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

b) Công khai, minh bạch thông tin về chương trình, chính sách, quy trình phê duyệt và quản lý sử dụng kinh phí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin chủ động bố trí kinh phí và các nguồn lực của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan tham mưu UBND xây dựng và triển khai: Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Sơn La đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035; ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển hạ tầng số; tăng cường dùng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng của các ngành khác...

- Hướng dẫn các cơ quan báo chí thông tin, tuyên truyền về nội dung Kế hoạch này và kết quả phát triển hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số của tỉnh.

- Hướng dẫn, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, tạo sự đồng thuận để phát triển nhanh, an toàn, bền vững hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tăng cường công tác quản lý nhà nước về viễn thông, hạ tầng số; triển khai các giải pháp định hướng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã có liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp trong việc triển khai phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, hướng dẫn các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện kế hoạch phát triển hạ tầng số; Tổng hợp, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong quá trình triển khai kế hoạch, đảm bảo phù hợp với tiến trình thực hiện chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND xã, phường và các đơn vị liên quan tham mưu trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định hiện hành.

3. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng và tích hợp các thành phần của hạ tầng số trong công trình xây dựng dân dụng và các công trình giao thông vào hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông thực hiện việc xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với quy hoạch kiến trúc, đô thị của tỉnh và quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật và chức năng nhiệm vụ được giao.

- Hỗ trợ, phát triển, duy trì hạ tầng số như hạ tầng giao thông, năng lượng; Trong quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch của từng địa phương phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển hạ tầng băng rộng); Phối hợp, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông thực hiện việc xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với quy hoạch kiến trúc, đô thị của tỉnh và quy định của pháp luật về xây dựng.

- Tuyên truyền trên cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, hệ thống thông tin cơ sở nhằm nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của hạ tầng số trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, nâng cao kỹ năng số cơ bản cho cán bộ công chức, viên chức và người dân trên địa bàn tỉnh.

5. Các doanh nghiệp viễn thông, tổ chức, cá nhân có liên quan

- Tuân thủ các quy định về cấp phép và quản lý xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, công trình xây dựng; chấp hành các quy định và tăng cường việc chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông, hạ tầng kỹ thuật liên ngành.

- Đề xuất với tập đoàn bảo đảm kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này do doanh nghiệp triển khai. Triển khai đảm bảo phủ sóng để xóa các vùng lõm sóng trên địa bàn tỉnh.

6. Các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh

Tăng cường thông tin tuyên truyền tạo sự đồng thuận của người dân và xã hội hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc phát triển hạ tầng số, tập trung tuyên truyền cho người dân sử dụng các nền tảng số để hình thành công dân số.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các doanh nghiệp viễn thông nghiêm túc triển khai thực hiện; định kỳ trước **ngày 30 tháng 11 hàng năm** báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ). Riêng các doanh nghiệp viễn thông định kỳ quý (ngày 15 tháng cuối quý), 6 tháng (ngày 15 tháng 6) báo cáo kết quả triển khai về sở Khoa học và Công nghệ. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục

NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2025 - 2030

TT	Nội dung/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Phát triển hạ tầng viễn thông và Internet			
1	Phát triển, mở rộng hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp Viễn thông; Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên
2	Đầu tư mở rộng hạ tầng băng rộng di động 5G tại các khu vực trọng điểm, khu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp Viễn thông; Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025 - 2030
3	Tăng cường chia sẻ, dùng chung hạ tầng kỹ thuật với các ngành khác (giao thông, điện, chiếu sáng...)	Sở Khoa học và Công nghệ	Điện lực; Doanh nghiệp viễn thông	Thường xuyên
4	Xây dựng, triển khai Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Sơn La đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp Viễn thông; Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025 - 2030
II	Phát triển hạ tầng dữ liệu			
1	Triển khai Trung tâm dữ liệu của tỉnh theo công nghệ điện toán đám mây	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã;	Năm 2025 - 2030

TT	Nội dung/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Đầu tư, nâng cấp, duy trì, hoạt động nền tảng trực tích hợp kết nối, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã;	Năm 2025 - 2030
3	Tiếp tục duy trì hoạt động cổng dữ liệu mở của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã;	Năm 2025 - 2030
III	Phát triển Hạ tầng vật lý - số			
1	Rà soát lập phương án triển khai hạ tầng Công nghệ thông tin tại trụ sở các xã, phường mới được thành lập.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã;	Năm 2025 - 2026
2	Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
3	Phát triển hạ tầng vật lý - số trong các lĩnh vực có tác động lớn như giao thông thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh...	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
IV	Phát triển Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ			
1	Tiếp tục ứng dụng có hiệu quả các nền tảng số (Định danh số; xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số tích hợp, chia sẻ dữ liệu; xác thực văn bản số; chữ ký số và chứng thực chữ ký số)	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên

TT	Nội dung/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Tập trung triển khai IPv6 trong toàn bộ các cơ quan nhà nước, các hệ thống thông tin.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã;	Năm 2025 - 2030
3	Đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công nghệ AI, Bigdata, blockchain, IoT để thông minh hóa, tự động hóa các hoạt động kinh tế, xã hội.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com